

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 7 - 2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện;

ông Nguyễn Đình Tùng;

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 30 ngày 6 tháng 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị H - sinh năm 1990;

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Trường G - sinh năm 1988;

Cùng nơi cư trú: thôn B L, xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: chị H có mặt, anh G vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023 và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Trường G vào năm 2009, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam ngày 12/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến khoảng đầu năm 2019, thì giữa vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm

sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã; khiến cho tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc. Mặt khác, do anh G có quan hệ với người phụ nữ khác; dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn B L, xã T N sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có liên lạc gì, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 24/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 22/7/2014, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Ngọc H sinh sống chủ yếu với ông bà nội, thỉnh thoảng vẫn đi về cùng chị, còn cháu Ngọc A ở cùng với chị. Nếu ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng anh chị đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng anh chị không có, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Vợ chồng anh chị không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Trường G:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Trường G biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh G đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh G đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh G làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh G và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được. Tòa án đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Trường G là bà Trần Thị D, bà D cung cấp: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trường G kết hôn với nhau năm 2009, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình bà được một thời gian thì giữa vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như nào thì bà không rõ. Đến năm 2019, anh G đã đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về, còn chị H vẫn tiếp tục sống cùng gia đình bà đến năm 2020 chị H cũng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh chị cụ thể như thế nào thì bà không rõ. Đến nay, chị H có đơn xin ly hôn với anh G, quan điểm của gia đình bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày

24/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 22/7/2014. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng anh chị không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bà và gia đình đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các Giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án. Gia đình bà đã liên lạc và thông báo cho anh G biết việc chị H có đơn xin ly hôn với anh, anh G có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật lý do anh vắng mặt không đến tòa án làm việc là do điều kiện công việc anh G không thể đến Tòa án làm việc được.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trường G kết hôn với nhau năm 2009, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm ngày 12/5/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh G tại thôn B L, xã T N. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn; dẫn đến việc chị H có đơn xin ly hôn với anh G. Sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị H, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh G vắng mặt không có lý do, về phía chị H trình bày: sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G có quan hệ với người phụ nữ khác, nên giữa vợ chồng đã xảy ra va chạm, cãi vã. Sau đó chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên hòa giải, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn vì vậy việc hòa giải không có kết quả. Đến nay, chị H có đơn xin ly hôn với anh G tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 24/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 22/7/2014. Nếu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các cháu để giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

- Về ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu gì, nên địa phương cũng không có ý kiến gì.

Tại biên bản tự khai ngày 19 tháng 04 năm 2023 cả hai cháu Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Ngọc H đều có ý kiến: bố các cháu là anh Nguyễn Trường G

mẹ là chị Trần Thị H, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì các cháu đều có nguyện vọng xin ở với mẹ.

* Tại phiên tòa: chị Trần Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trường G. Về con chung: Giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc A cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con; các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Trần Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị H có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Trường G hiện đang có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã T N, huyện T L, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trường G kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12/5/2009 tại UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận đến năm

2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Sau đó chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, cũng không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng không có bất cứ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh G đã thực sự trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị H và anh G là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 24/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 22/7/2014. Khi Ly hôn, chị Trần Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng của chị Trần Thị H là chính đáng và phù hợp với pháp luật, mặt khác các cháu đều có nguyện vọng ở với chị H. Bản thân chị Hà hiện nay đang làm công nhân tại Công ty TNHH YURA HARNESS Việt Nam, lương tháng ổn định trong khoảng từ 7.500.000 đồng đến 8.413.016 đồng và hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ chị H tại thôn B L, xã T N. Còn anh G quá trình giải quyết vụ án anh G không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không biết quan điểm của anh G về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, nên giao cả hai cháu Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc A cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về con nuôi, con riêng: vợ chồng không có hiện nay chị H không mang thai.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Trần Thị H xác định vợ chồng không có và không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: giao các cháu Nguyễn Ngọc H - sinh ngày 24/3/2010 và cháu Nguyễn Ngọc A - sinh ngày 22/7/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001313 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh